

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2019/DS-PT
Ngày: 25-02-2019
V/v Đòi tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Thị Tuyền.

Các Thẩm phán: Bà Phạm Thị Hồng Vân;

Bà Nguyễn Thanh Minh Châu.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đỗ Huy Phong - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Đặng Thị Châu - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 02 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 250/2018/TLPT-DS ngày 17 tháng 12 năm 2018, về việc “Đòi tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 25/2018/DS-ST ngày 09 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 21/2018/QĐ-PT ngày 25 tháng 01 năm 2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông H, sinh năm 1960; địa chỉ: Số 596, ấp LH, xã LT, huyện BC, tỉnh Tây Ninh - có mặt.

2. *Bị đơn:* Ông C, sinh năm 1971; địa chỉ: Ấp LC, xã LK, huyện BC, tỉnh Tây Ninh - có mặt.

3. *Người kháng cáo:* Ông C, là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 07 tháng 8 năm 2018 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông H trình bày:

Ông C mua vật tư nông nghiệp tại cửa hàng H do ông làm chủ từ năm 2003 đến năm 2005 hai bên thanh toán xong. Năm 2007 ông C tiếp tục mua vật tư nông nghiệp còn nợ số tiền 6.736.000 đồng, ông C có ký tên ghi họ và tên vào giấy mua vật tư ghi số 69. Từ năm 2009 - 2010, ông C tiếp tục mua vật tư nông nghiệp còn nợ 4.470.000 đồng, ông C có ký tên người mua hàng trong hóa đơn số 94. Ngoài ra, ngày 11-5-2009, ông C vay số tiền 12.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận 4%/tháng, không thế chấp tài sản nên ông có ghi lại số tiền nợ cũ 6.736.000 đồng và số tiền vay 12.000.000 đồng vào cùng một hóa đơn số 75, ông C ký tên, ghi họ và tên dưới mục người mua hàng.

Tổng cộng ông C còn nợ ông số tiền 23.206.000 đồng. Ông yêu cầu ông C trả số tiền còn nợ 23.206.000 đồng và trả tiền lãi theo quy định pháp luật từ ngày mua bán và vay tiền cho đến khi giải quyết xong vụ việc. Ngoài ra không yêu cầu gì khác.

Bị đơn ông C trình bày:

Ông thừa nhận có mua vật tư nông nghiệp của cửa hàng ông H cách đây hơn 10 năm, nhưng cho rằng chỉ nợ ông H số tiền 9.000.000 đồng. Năm 2005 bà K là mẹ ruột của ông đã chuyển nhượng cho ông H phần đất ruộng diện tích khoảng 0,8 ha tại ấp LC, xã LK, huyện BC, tỉnh Tây Ninh với số tiền 22.000.000 đồng, ông H khấu trừ số tiền nợ 9.000.000 đồng, còn dư lại hơn 10.000.000 đồng giao lại cho bà K. Do đó, ông không còn nợ ông H.

Đối với các hóa đơn, giấy nợ số 69, 75, 94 do ông H cung cấp, ông C thừa nhận chữ viết, chữ ký dưới mục người mua hàng là của ông C nhưng nội dung ông không biết.

Nay ông không đồng ý trả cho ông H số tiền 23.206.000 đồng và tiền lãi vì không còn nợ ông H.

Bản án Dân sự sơ thẩm số: 25/2018/DS-ST ngày 09 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện BC, tỉnh Tây Ninh, quyết định:

Căn cứ vào Điều 438, 471, 473, 474, 476, 477 Bộ luật Dân sự năm 2005; điểm b khoản 3 Điều 23 Nghị quyết số 03/2012/NQ-HĐTP ngày 03-12-2012 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông H đối với ông C. Buộc ông C có nghĩa vụ trả cho ông H số tiền 23.206.000 đồng.

2. Không chấp nhận yêu cầu tính tiền lãi của ông H đối với ông C.

Ngoài ra bản án còn tuyên về lỗi suất chậm thi hành án, án phí, quyền kháng cáo, quyền và nghĩa vụ thi hành án.

Ngày 20 tháng 11 năm 2018, ông C có đơn kháng cáo với nội dung không đồng ý trả số tiền 23.206.000 đồng cho ông H.

Tại phiên tòa phúc thẩm các đương sự không cung cấp được chứng cứ và tài liệu mới.

Ông C trình bày: Giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Ông thừa nhận có mua vật tư nông nghiệp tại cửa hàng của ông H và nợ tiền ông H nhưng năm 2005 mẹ ông là bà K đã chuyển nhượng đất ruộng cho ông H, ông H khấu trừ hết tiền nợ và số tiền còn dư ông H trả cho bà K. Từ năm 2005 đến nay ông không mua vật tư nông nghiệp của ông H nữa nên không nợ tiền vật tư của ông H. Do đó, ông không đồng ý trả nợ.

Ông H trình bày: Không đồng ý kháng cáo của ông C. Yêu cầu ông C trả số tiền 23.206.000 đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh phát biểu ý kiến như sau:

+ Về tố tụng:

Thẩm phán Chủ tọa phiên tòa, các Thẩm phán tham gia phiên tòa và Thư ký đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Từ khi Tòa án cấp phúc thẩm thụ lý vụ án đến thời điểm xét xử phúc thẩm tại phiên tòa, Tòa án và các đương sự đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Về nội dung:

Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông C. Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 25/2018/DS-ST ngày 09 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân huyện Bến cầu, tỉnh Tây Ninh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa; kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, xét thấy:

[1] Xét kháng cáo của ông C không đồng ý trả cho ông H số tiền 23.206.000 đồng, thấy rằng:

Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa phúc thẩm ông C thừa nhận chữ ký, chữ viết họ và tên trong các hóa đơn, giấy ghi mua vật tư nông nghiệp số 69, 75, 94 (BL 20, 21, 22) là của ông C. Ông C cho rằng năm 2005 mẹ ông chuyển nhượng đất ruộng cho ông H, ông H khấu trừ hết tiền ông nợ nên không còn nợ ông H. Ông H không thừa nhận cho rằng khoản nợ ông khởi kiện trong vụ án này

là nợ từ năm 2007 đến năm 2010 không có liên quan gì đến số nợ mẹ ông C là bà K đã bán đất trả.

Qua xem xét các hóa đơn, giấy nợ ghi số 69, 75, 94 (BL 20, 21, 22) có ông C ký tên người mua hàng thể hiện số tiền 11.206.000 đồng là tiền nợ mua vật tư nông nghiệp từ năm 2007 đến năm 2010 và số tiền 12.000.000 đồng là tiền vay ngày 11-5-2009. Do đó, lời trình bày của ông C cho rằng mẹ ông đã bán đất ruộng cho ông H trả xong nợ từ năm 2005 và từ năm 2005 đến nay ông không còn mua vật tư nông nghiệp của cửa hàng ông H nữa là không có cơ sở để xem xét.

Tòa án cấp sơ thẩm tuyên buộc ông C có nghĩa vụ trả cho ông H số tiền 23.206.000 đồng, không chấp nhận yêu cầu trả lãi là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

Ông C kháng cáo, không đồng ý trả cho ông H số tiền 23.206.000 đồng nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh. Do đó, không có căn cứ xem xét.

[2] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh không chấp nhận kháng cáo của ông C; giữ nguyên bản án sơ thẩm là có căn cứ.

[3] Từ những phân tích trên, xét thấy không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của ông C; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[4] Về án phí dân sự phúc thẩm: Căn cứ khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án quy định *“Đương sự kháng cáo phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, nếu Tòa án cấp phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm bị kháng cáo”*. Do kháng cáo của ông C không được chấp nhận, ông C phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 438, 471, 474, 477 của Bộ luật Dân sự năm 2005; điểm b khoản 3 Điều 23 Nghị quyết số 03/2012/NQ-HĐTP ngày 03 tháng 12 năm 2012 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 26, khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận kháng cáo của ông C.
2. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 25/2018/DS-ST ngày 09 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh.
3. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện về việc “Đòi tài sản” của ông H đối với ông C.

3.1 Buộc ông C có nghĩa vụ trả cho ông H số tiền 23.206.000 đồng (hai mươi ba triệu hai trăm linh sáu nghìn đồng).

3.2. Không chấp nhận yêu cầu tính tiền lãi của ông H đối với ông C.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

4. Về án phí:

4.1. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông C phải chịu 1.160.000 đồng (một triệu một trăm sáu mươi nghìn đồng).
- Ông H không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả cho ông H số tiền tạm ứng án phí ông đã nộp 580.000 đồng (năm trăm tám mươi nghìn đồng) theo biên lai thu số 0021586 ngày 08 tháng 8 năm 2018, của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh.

4.2. Án phí dân sự phúc thẩm: Ông C phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng); khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí ông C đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0021691 ngày 21 tháng 11 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bến cầu, tỉnh Tây Ninh.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- TANDH. Bến Cầu;
- CCTHADS H. Bến Cầu;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trương Thị Tuyền

